

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công khai Quyết định giao dự toán**  
**ngân sách nhà nước năm 2026**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON TAM THANH**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 3421/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 của UBND xã Vụ Bản về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 cho Trường mầm non Tam Thanh.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai Quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 Trường mầm non Tam Thanh (có Quyết định giao dự toán năm 2026 kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Công khai bằng các hình thức: đăng lên Westside của nhà trường, dán tại bảng tin, đọc trước cuộc họp hội đồng sư phạm nhà trường.

**Điều 3.** Bộ phận kế toán, các bộ phận, tổ chuyên môn có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Trụ sở Trường, Westside trường;
- Lưu: KT, VT.

**HIỆU TRƯỞNG**



**Trần Thị Vân**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ VỤ BẢN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3421 /QĐ-UBND

Vụ Bản, ngày 29 tháng 12 năm 2025

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội  
và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2026**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VỤ BẢN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015 được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024; Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 tỉnh Ninh Bình;*

*Căn cứ Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XV về việc quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương tỉnh Ninh Bình năm 2026;*

*Căn cứ Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XV về việc quyết định phân bổ dự toán ngân sách địa phương tỉnh Ninh Bình năm 2026;*

*Căn cứ Quyết định số 1789/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;*

*Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Vụ Bản về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 xã Vụ Bản;*

*Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Vụ Bản về việc Về việc quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương xã Vụ Bản năm 2025;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng kinh tế.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã Vụ Bản (có phụ lục chi tiết kèm theo Quyết định này).

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

- Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 của xã, các chỉ tiêu kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước được giao, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch, chương trình cụ thể để tổ chức thực hiện theo quy định.

- Các cơ quan, đơn vị tuân thủ thực hiện quy định việc quản lý, sử dụng kinh phí trong phạm vi dự toán được giao đảm bảo đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả và thực hiện quyết toán theo quy định.

- Phòng Kinh tế phối hợp với Thuế cơ sở 7, Phòng giao dịch số 5- Kho bạc nhà nước khu vực V và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện và tiến hành giám sát, kiểm tra việc thực hiện theo quy định của Nhà nước, báo cáo, tham mưu UBND xã có biện pháp cụ thể để chỉ đạo thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm 2026.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; Trưởng phòng Kinh tế; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

### **Nơi nhận:**

- Thường trực Đảng uỷ;
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, PKT.



**Phạm Thành Lợi**

Số: 3421/QĐ-UBND; 29/12/2025; 10:14:19;



PHỤ LỤC 18

DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2026

CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC XÃ VỊ BÀN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của UBND xã Vụ Bàn)

STT	Nội dung	Đơn vị tính: đồng										Tổng cộng		
		Trường Mầm non Gôi	Trường Tiểu học Gôi	Trường THCS Trần Huy Liệu	Trường Mầm non Tam Thành	Trường Tiểu học Tam Thành	Trường THCS Tam Thành	Trường Mầm non Kim Thái	Trường Tiểu học Kim Thái	Trường THCS Kim Thái				
	Mã ngành	071	072	073	071	072	073	071	072	073	072	073		
	Mã Chương	822	822	822	822	822	822	822	822	822	822	822		
<b>I</b>	Sự nghiệp giáo dục	7.143.950,000	9.655.520,000	9.559.760,000	5.308.063,000	6.725.353,000	12.125.830,000	6.357.618,000	9.797.071,000	6.581.936,000	9.797.071,000	6.581.936,000	73.255.101,000	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm (nguồn 13) (Đã trừ kinh phí thực hiện chính sách miễn giảm học phí theo Nghị định số 238 của Chính phủ)	6.276.439,000	8.128.860,000	8.224.489,000	4.582.851,000	5.608.782,000	10.242.457,000	5.550.471,000	8.114.585,000	5.392.862,000	8.114.585,000	5.392.862,000	62.121.796,000	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ tự chịu trách nhiệm (mã nguồn 12)	538.560,000	1.074.600,000	866.700,000	478.080,000	788.400,000	1.293.300,000	518.400,000	1.217.700,000	858.600,000	1.217.700,000	858.600,000	7.634.340,000	
	Kinh phí thực hiện chính sách miễn, giảm học phí	538.560,000	1.074.600,000	866.700,000	478.080,000	788.400,000	1.293.300,000	518.400,000	1.217.700,000	858.600,000	1.217.700,000	858.600,000	7.634.340,000	
1.3	Quỹ tiền thường theo nghị định 73 (nguồn 18)	328.951,000	452.060,000	468.571,000	247.132,000	328.171,000	590.073,000	288.747,000	464.786,000	330.474,000	464.786,000	330.474,000	3.498.962,000	